TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **41**/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 22 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212 , 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 51, 53, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 702/2018/TLST/ HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Trần Văn C, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: 52 đường P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị Hà Thị Phương N, sinh năm 1995.

Nơi cư trú tại: Thôn Lại Tân, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Hà Thị Phương N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 12/3/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ tháng 01/2018 đến nay vợ chồng anh Trần Văn C và chị Hà Thị Phương N sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên anh Trần Văn C và chị Hà Thị Phương N tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Văn C và chị Hà Thị Phương N xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức M, sinh ngày 09/5/2013, hiện nay đang ở với chị Hà Thị Phương N. Hai bên thỏa thuận giao cháu Trần Đức M cho chị Hà Thị

Phương N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thỏa thuận anh Trần Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2019 cho đến lúc cháu Trần Đức M trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh Trần Văn C và chị Hà Thị Phương N cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Anh Trần Văn C và chị Hà Thị Phương N cùng xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn C và chị Hà Thị Phương N mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh C và chị N đã nộp theo biên lai thu số 007574 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Trần Văn C và chị Hà Thị Phương N đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 14 tháng 01 năm 2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Hà Thị Phương N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Đức M, sinh ngày 09/5/2013 cho chị Hà Thị Phương N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2019 cho đến lúc cháu Trần Đức M trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn C và chị Hà Thị Phương N cùng xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

- Về nợ chung: Anh Trần Văn C và chị Hà Thị Phương N cùng xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn C và chị Hà Thị Phương N mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh C và chị N đã nộp theo biên lai thu số 007574 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Trần Văn C và chị Hà Thị Phương N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự,được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSNDTP Huế;
- UBND phường P, Tp Huế;
(**ĐKKH số 33/2014, quyển số 01 ngày 12/3/2014**);
-Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế